

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Doãn Thị C, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường Q, Phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Trần Lý S, sinh năm 19XX; Địa chỉ: xã L, thành phố H, tỉnh Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Doãn Thị C và ông Trần Lý S qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2016, đăng ký ngày 30 tháng 11 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Y).

Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 (Một) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, mặc dù cũng đã ngồi lại nói chuyện và tìm cách khắc phục nhưng cả hai đều không thể hàn gắn được tình cảm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự xác định có 01 (Một) con chung, họ và tên là Trần Minh H (Nam), sinh ngày 15/09/20XX.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao bà Doãn Thị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Lý S không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

[5] Về lệ phí: Các đương sự cùng chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Doãn Thị C và ông Trần Lý S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2016, đăng ký ngày 30 tháng 11 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Y).

- Về con chung: Các đương sự xác định có 01 (Một) con chung, họ và tên là Trần Minh H (Nam), sinh ngày 15/09/20XX.

Các đương sự thống nhất thoả thuận: Sau khi ly hôn, giao cho bà Doãn Thị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Lý S không cấp dưỡng nuôi con

Ông Trần Lý S được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Doãn Thị C và ông Trần Lý S chịu lệ phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032494 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự (TK Sang).

THẨM PHÁN

Lê Phương Thảo